

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:*** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên

Ngày 24/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST- HPT ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** **Chị Phạm Thị M, sinh năm 1979**

**HKTT:** Khu 4, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

**Địa chỉ:** Tổ 6, khu 7A, phường Q, thành phố C, tỉnh **Quảng Ninh.**

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1970

**Địa chỉ:** Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do )*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị M trình bày:**

+ Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Đ lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào ngày 17/02/2009. Được hai gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ chơi bời, cờ bạc và đánh nhau nên bị xử 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” ở Bình Dương, còn bản án và thời gian chấp hành án cụ thể như thế nào thì chị không rõ. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Khi chị gửi đơn ly hôn và Tòa án thụ lý vụ án của chị thì anh Đ vẫn đang chấp hành án tại đội 18, phân trại số 04, trại giam A, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng đến ngày 05/6/2020 thì anh Đ chấp hành án xong được ra trại thì anh Đ có liên lạc với chị, nên chị biết anh Đ đã được ra trại và sẽ trở về địa phương trong thời gian tới nhưng thời gian cụ thể thì chị không nắm được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị cũng không muốn gặp anh Đ nữa vì vậy chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là cháu Nguyễn Việt P, sinh ngày 12/12/2008. Hiện nay cháu P đang ở với chị. Trước đây chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P vì anh Đ vẫn còn đang chấp hành án ở trong trại. Nhưng nay anh Đ đã trở về địa phương hiện tại anh Đ cũng chưa có nghề nghiệp và thu nhập gì để đảm bảo cho việc nuôi con mà con chung cũng đang ở ổn định với chị vì vậy chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Sau này nếu anh Đ có nguyện vọng nuôi con thì chị cũng đồng ý để anh Đ đón con về nuôi vì con là con chung nên ai nuôi cũng tốt. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang bán hàng nước tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, đảm bảo được cho cuộc sống của hai mẹ con chị.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020, cháu Nguyễn Việt P là con chung của chị M và anh Đ trình bày:* Hiện cháu đang học lớp 6B, trường THCS T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu bố mẹ cháu tiếp tục không ở chung với nhau nữa thì cháu thích ở với mẹ hơn. Lý do cháu thích ở với mẹ hơn cháu không biết mà cháu chỉ biết cháu thích ở với mẹ. Không có ai xui, dọa cháu về việc cháu thích ở với bố, hay thích ở với mẹ hơn, cũng không ai xui, dọa cháu là phải về ở với mẹ. Mẹ luôn chăm sóc và dạy bảo cháu, cháu cũng thương bố nhưng bố cháu thường xuyên không có nhà, cháu rất ít khi được gặp bố nên cháu vẫn muốn ở với mẹ.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020, bị đơn là anh Nguyễn Việt Đ trình bày:*

Trước đây anh chấp hành án tại Trại Giam A, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, anh đã về địa phương từ ngày 05/6/2020 do anh đã chấp hành xong án phạt tù.

Trong khi anh đang chấp hành án phạt tù anh có được Trại giam A giao cho anh Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh từ chối ký biên bản và từ chối viết bản tự khai. Anh đã được biết việc chị M yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh.

Anh kết hôn với chị M từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2009, anh chị về địa phương là UBND xã S để làm thủ tục đăng ký kết hôn và có được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên do sau đó anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù nên vợ chồng đã ly thân từ đó. Quá trình anh đi tù chị M yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có một con chung là cháu Nguyễn Việt P, sinh ngày 12/12/2008. Hiện nay cháu P đang ở với chị M. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện do anh Đ vừa chấp hành án phạt tù về nên chưa có nghề nghiệp gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của vợ chồng anh không liên quan gì đến mẹ anh là bà Thân Thị Luyến. Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc ly hôn với vợ anh là chị M anh chưa cần thiết đến Tòa án.

+ *Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2020, bà Thân Thị Luyến cung cấp:* Bà là mẹ đẻ của anh Đ. Trước đây anh Đ đi tù phải chấp hành án tại Trại giam A, tỉnh Bình Dương. Anh Đ đã chấp hành án xong và về gia đình từ ngày 05/6/2020. Trước đây anh Đ đi làm ăn trong miền Nam có quen chị Phạm Thị M. Hai bên tự nguyện tìm hiểu và sống với nhau, có một con chung. Sau đó anh Đ, chị M về địa phương là UBND xã S để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn thì anh Đ chị M lại tiếp tục vào miền Nam chung sống chứ không ở cùng với bà. Bà không biết anh Đ, chị M chung sống thế nào, có mâu thuẫn gì không. Sau đó anh Đ phạm tội phải đi tù, chị M làm đơn ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung thì anh Đ và chị M có một con chung là cháu Nguyễn Việt P, sinh năm 2008. Hiện nay cháu P đang ở với chị M. Anh Đ vừa chấp hành án xong về nên vẫn chưa có nghề nghiệp gì. Nay chị M yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đ thì quyền quyết định do chị M và anh Đ, gia đình không liên quan gì.

+ *Tại Công văn số 635/CV-AP ngày 25/6/2020 của Trại giam A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cung cấp:* Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1971 phạm tội “Cố ý gây thương tích” bị xử phạt 05 năm tù. Thời gian tù tính từ ngày 23/12/2015 theo Bản án số 90 ngày 21/07/2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 05/6/2020 phạm nhân Nguyễn Việt Đ đã chấp hành xong án phạt tù. Trại

tiến hành trả tự do cho phạm nhân Đức về nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nữa. Nên Tòa án không tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ngày 15/7/2020, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M và xử cho chị M được ly hôn anh Nguyễn Việt Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt P, sinh ngày 12/12/2008 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Việt Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Việt Đ kết hôn ngày 17/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị M và anh Đ là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xích mích, cại vã với nhau do anh Đ bị xét xử về hình sự và phải đi chấp hành án tù đầu năm 2016. Vợ chồng đã ly thân từ tháng năm 2016 đến nay. Chị M yêu cầu ly hôn, anh Đ tuy không đồng ý ly hôn

nhưng cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, đã lâu không gặp gỡ, chia sẻ với nhau nữa. Anh Đ không đến tòa làm việc, cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng gì về việc muốn níu kéo hay hàn gắn hôn nhân với chị M. Chị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải cho thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh Đ có một con chung là cháu Nguyễn Việt P, sinh ngày 12/12/2008. Hiện nay cháu P đang ở với chị M. Khi vợ chồng ly hôn, chị M đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, anh Đ vừa đi chấp hành án về, không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu P cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M và anh Đ xác định không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị M được ly hôn anh Nguyễn Việt Đức.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Việt P, sinh ngày 12/12/2008 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000898 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị M đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. B
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã S, thành phố B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**